

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12A/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21/ 11/ 2022
V/v: "Ly hôn- Tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bạc Thị Liên
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bạc Thị Kiên
2. Ông Nguyễn Quang Khải

- Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Đ.

Ngày 21/11/2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2022/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXX-ST ngày 24/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 50 ngày 09/10/2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Quàng Thị H - Sinh năm 1991(có mặt).

Trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. **Bị đơn:** Anh Lò Văn N - Sinh năm 1990. Hộ khẩu thường trú: B, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.(Vắng mặt không lý do).

Chỗ ở hiện nay: Bản B, xã T, huyện Đ, tỉnh ĐB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/7/2022 và các bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ, Chị Quàng Thị H (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân: Tôi và anh Ng tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ vào ngày 09/9/2013 hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng chí hướng không có tiếng nói chung. Nguyên nhân nữa làm cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng hơn là từ khi tôi phát hiện ra anh N bị nghiện ma túy từ năm 2018. Tôi và gia đình đã cho anh N tự cai tại nhà, và khuyên nhủ nhiều nhưng không cai được. Chúng tôi đã ly thân từ tháng 5 năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tôi xét tình cảm không còn cuộc hôn nhân không có hạnh phúc tôi đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn.

2. Về con chung: Chị H khai vợ chồng có 1 con chung là: Lò Văn C, sinh ngày 10/5/2013 sau khi ly hôn chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chị H khai: Không có.

Ngày 11/7/2022, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Đ đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn với các yêu cầu cụ thể của chị H cho anh N biết. Giao thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho anh N. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh N không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành giao thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án án hợp lệ cho anh N. Nhưng anh N vẫn không đến Tòa. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 24/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh N nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên Tòa và tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lò Văn N đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Quảng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

- Anh N đã được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng. Bị đơn và nguyên đơn có địa chỉ tại bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên do vậy vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 177 BLTTDS, việc anh N không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; 72/BLTTDS là do anh N đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS năm 2015. HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn N và chị Quảng Thị H tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Do vậy hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo lời khai của chị H và đơn xác nhận tình trạng hôn nhân do UBND xã P xác nhận cho thấy: Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh N và chị H tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và một nguyên nhân chính

là anh N có sử dụng chất ma túy nên gia đình đã cho anh N cai nghiện tại nhà nhưng anh N vẫn không cai được dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay. Bản thân chị H xét thấy tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của chị H và để giải phóng cho chị thoát khỏi tình trạng hiện tại khi mà cuộc hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc cho chị, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vì mục đích của hôn nhân không đạt được. Hai anh chị lại sống ly thân nhiều năm nay, như vậy không thể đảm bảo hạnh phúc gia đình cho chị Hồng cùng con. Áp dụng Điều 51, và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Hồng xử cho ly hôn giữa chị Quảng Thị H và anh Lò Văn N

[3] Về con chung: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là: Lò Văn C sinh ngày 10/5/2013.

Xét thấy hiện tại chị H mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu hiện còn nhỏ cần mẹ chăm sóc nuôi dưỡng. Theo xác nhận của UBND xã P, anh N bị nghiện chất ma túy, anh N đã được gia đình cho cai nghiện tại nhà nhưng hiện vẫn còn nghiện chất ma túy. Như vậy không đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận nguyện vọng của chị Hồng. Xét theo nguyện vọng cháu C được sống cùng mẹ. Giao con cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Anh N có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện nuôi con của chị.

[5] Về tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về: Diện tích ruộng, nương: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5; điểm Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 19, Điều 69, Điều 81, 82,83,84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Quảng Thị H được ly hôn với anh Lò Văn N
2. Về con chung: Chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi d-ỡng con chung cháu Lò Văn C sinh ngày 10/5/2013, cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị H không yêu cầu anh N cấp d-ỡng nuôi con chung.

Ng-ời không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai đ-ợc cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về diện tích ruộng, nương: Không có.

4. Về án phí: Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Quàng Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị H đã nộp tạm ứng số tiền 300.000đ theo biên lai số: 0005006 ngày 11/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. (chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính, hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

Bạc Thị Liên

Nơi nhận

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải

Bạc Thị Liên

Bạc Thị Kiên

